

Số: **10** /2015/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày **16** tháng **3** năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh,
xe mô tô ba bánh, xe ô tô bị tạm giữ do vi phạm pháp luật
về trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 15/2003/TT-BTC ngày 07 tháng 3 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 95/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Đơn vị trông giữ phương tiện bị tạm giữ và người sử dụng phương tiện giao thông vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông bị tạm giữ phương tiện giao thông.

Trường hợp phương tiện giao thông bị tạm giữ nhưng sau đó xác định người sử dụng phương tiện giao thông là không có lỗi trong việc vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông thì người sử dụng phương tiện giao thông không phải nộp phí trông giữ phương tiện. Nếu người sử dụng phương tiện đã nộp phí thì đơn vị thu phải hoàn trả lại tiền phí cho người sử dụng phương tiện. Trường hợp đơn vị thu là đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện thì đơn vị ra quyết định tạm giữ phải chi trả cho đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện khoản phí này từ khoản tiền xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ mà đơn vị được sử dụng.

Điều 2. Mức thu phí trông giữ xe

1. Xe đạp (kể cả xe đạp điện):

- a) Ban ngày (từ 05 giờ sáng đến 21 giờ): 1.000 đồng/chiếc/lượt;
- b) Ban đêm (từ sau 21 giờ đến trước 05 giờ sáng hôm sau): 2.000 đồng/chiếc/lượt;
- c) Cả ngày và đêm: 3.000 đồng/chiếc/lượt;
- d) Giữ xe tháng: 50.000 đồng/chiếc/lượt.

2. Xe gắn máy (kể cả xe máy điện), xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh:

- a) Ban ngày (từ 05 giờ sáng đến 21 giờ): 2.000 đồng/chiếc/lượt;
- b) Ban đêm (từ sau 21 giờ đến trước 05 giờ sáng hôm sau): 4.000 đồng/chiếc/lượt;
- c) Cả ngày và đêm: 6.000 đồng/chiếc/lượt;
- d) Giữ xe tháng: 100.000 đồng/chiếc/lượt.

3. Xe ô tô:

- a) Ban ngày (từ 05 giờ sáng đến 21 giờ): 10.000 đồng/chiếc/lượt;
- b) Ban đêm (từ sau 21 giờ đến trước 05 giờ sáng hôm sau): 20.000 đồng/chiếc/lượt;
- c) Cả ngày và đêm: 30.000 đồng/chiếc/lượt;
- d) Giữ xe tháng: 500.000 đồng/chiếc/lượt.

Điều 3. Quản lý và sử dụng phí

1. Chứng từ sử dụng:

Đơn vị trông giữ phương tiện bị tạm giữ phải lập và cấp chứng từ thu cho đối tượng nộp phí theo đúng quy định của Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp phương tiện đưa vào các bãi trông giữ phương tiện của các đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện, khi thu phí, đơn vị phải lập và giao hoá đơn hoặc vé in sẵn mức thu cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng hoá đơn bán hàng.

b) Đối với trường hợp bị tạm giữ, đưa vào các kho, bãi của đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện, khi thu phí, đơn vị phải lập và cấp biên lai thu hoặc tem, vé in sẵn mức thu cho đối tượng nộp phí. Biên lai hoặc tem, vé thu phí đơn vị thu nhận tại cơ quan thuế địa phương nơi đơn vị thu đóng trụ sở chính. Việc sử dụng, quyết toán biên lai, tem, vé thu phí được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

c) Trường hợp sử dụng chứng từ đặc thù như tem, vé,... in sẵn mức thu phí, lệ phí, phải thực hiện chế độ quản lý, sử dụng riêng cho phù hợp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc phát hành, quản lý, sử dụng chứng từ đặc thù đó.

2. Về quản lý, sử dụng tiền phí thu được:

a) Đối với phí do đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện thu là phí không thuộc ngân sách nhà nước, tiền phí thu được là doanh thu của đơn vị thu phí. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

b) Đối với phí do đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện thu là phí thuộc ngân sách nhà nước:

Tổng số tiền thu phí được trích như sau:

- Trích 70% (bảy mươi phần trăm) trên tổng số tiền thu phí cho đơn vị tổ chức thu và dùng để chi cho các khoản chi theo quy định tại Khoản 8 Thông tư số 45/2006/TT-BTC;

- Phần còn lại 30% (ba mươi phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Việc quản lý và sử dụng tiền thu phí không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC, Thông tư số 45/2006/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 4. Chế độ tài chính - kế toán

1. Đối với đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện:

Đơn vị thu phí phải đăng ký, kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế quản lý theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành, cụ thể như sau:

a) Đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

b) Kê khai, nộp thuế theo quy định của Luật Thuế và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện:

a) Đơn vị thu phí trông giữ phương tiện phải mở sổ sách, chứng từ kế toán để theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền phí theo đúng chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước; công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện quyết toán thu, chi tiền phí theo quy định hiện hành. Quyết toán biên lai thu phí, số tiền phí nộp vào ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của cơ quan thuế.

Điều 5. Xử phạt vi phạm

Đơn vị trông giữ phương tiện bị tạm giữ nếu vi phạm pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giá, phí, lệ phí, hoá đơn, hoặc làm mất mát, hư hỏng phương tiện thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện (Công an, Thanh tra Giao thông vận tải,...): phải có kho, bãi và đủ điều kiện quản lý trông giữ phương tiện.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, cá nhân trông giữ xe và người sử dụng phương tiện giao thông vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông bị tạm giữ phương tiện giao thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *luân*

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- CT, các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: LĐVP, Phòng TCTM, các Phòng Nghiên cứu, Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, (Luân). *70*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *ĐHC*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Kim Mai